

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2020/HSPT

Ngày: 10 - 02 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Tùng.

2. Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 416/2019/HSPT ngày 16/12/2019, đối với các bị cáo Nguyễn Cựu T và 03 bị cáo khác về tội “Đánh bạc”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Cựu T**, sinh năm 1952; tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T1, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị Kim P1 và có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1988; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Ngọc T2**, sinh năm 1968; tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Buôn H1, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học

vấn: Lớp 9/12; con ông: Lê Ngọc S (đã chết) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1942; vợ Vũ Thị C1, sinh năm 1971 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973, tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1949; vợ Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1976 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 06/10/2014, bị Công an xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe*” (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Đức T4, sinh năm 1975; tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Đức T5, sinh năm 1940 và bà Trầm Thị T6 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Kim T7, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh 2008; tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 04/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo khác nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị là Vũ Tiến P1, sinh 08/7/1974, tại Đắk Lắk; NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông Vũ Văn M2, sinh năm 1942 và bà Hoàng Thị V (đã chết); Vợ Đỗ Thị Thu N2, sinh năm 1977 và có 05 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh 2008; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 01/7/2019, Lê Ngọc T2, Vũ Tiến P1, Nguyễn Văn T3 và Hoàng Văn Đ3 cùng đi đến nhà Nguyễn Cựu T, trú tại thôn T1, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để uống rượu đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền, nên đã rủ T2, T3 và P1 thì được tất cả đồng ý. T lấy một cái chăn màu đỏ kích thước 2,2 m x 2m ra trải ở phòng khách, hai bộ bài tú lơ khơ loại 52 con bài, rồi T, T2, T3 và P1 bắt đầu đánh bạc, còn Đ3 chỉ ngồi xem, không tham gia.

Tất cả thống nhất việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “*Bình xập xám*”, như sau: Số người tham gia đánh bài “*Bình xập xám*” tối đa 04 người và tối thiểu 02 người; mỗi người được làm “cái” 03 ván, người nào làm “cái” thì người đó chia bài, người chia bài sẽ chia cho mỗi người 13 con bài, sau đó mỗi người tự xếp bài thành ba chi, gồm chi dưới, chi giữa và chi trên, (chi dưới và chi giữa đều có 5 con bài, chi trên có 03 con bài) bài được xếp theo thứ tự chi dưới cao nhất đến chi giữa, còn chi trên thấp nhất. Các con bài được liên kết theo mức độ bài mạnh tăng dần theo thứ tự, như: Mậu thầu, đôi, thú, sấm, sảnh, thùng, cù lũ, tứ quý, thùng phá sảnh, thùng phá sảnh lớn, (“*Mậu thầu*” có nghĩa là 03 con bài của chi trên cùng là bài lẻ, không có đôi, như 6, 8, 9, ... bị xem là thấp nhất; “*Đôi*” tức là khi chi giữa gồm 05 con bài, trong đó có một đôi như đôi 6, đôi 7, ... và 03 con còn lại là lẻ, như 5, 7, 8, ... bị xem là thấp thứ hai; “*Thú*” là khi chi giữa gồm 05 con bài mà trong đó có 02 đôi, như đôi 5 và đôi 8, ... trường hợp này bị xem là thấp thứ ba; “*Sấm*” là khi chi giữa hoặc chi cuối có 03 con bài giống nhau như ba con 4, ... và 2 con bài còn lại là lẻ, như con 3 và con 5, ... như vậy bị xem là thấp thứ tư; “*Sảnh*” nghĩa là ba chi đều có sảnh nhưng không cùng chất, như 2, 3, 4, 6, 7, 8, ... trường hợp này bị xem là thấp thứ năm; “*Thùng*” nghĩa là trong ba chi có một chi có sảnh cùng chất như 3, 4, 5 cùng chất bích, chuồn... bài như vậy là thấp thứ sáu; “*Cù lũ*” là chi giữa hoặc chi cuối có một đôi và ba con bài giống nhau như đôi 4 và ba con 5, ... có bài như vậy là thấp thứ bảy; “*Tứ quý*” là khi chi giữa hoặc chi dưới có tứ quý, như tứ quý 4, tứ quý 6, ... trường hợp này được xem là thấp thứ tám; “*Thùng phá sảnh*” là khi chi giữa hoặc chi dưới có sảnh cùng chất như có các con bài 4, 5, 6, 7, 8 cùng chất bích, cùng chất chuồn.... có bài như vậy được xem là thấp thứ chín; ...).

Trong khi các đối tượng đánh bạc thì có Nguyễn Văn Z và Lê Đức T4 đến chơi và ngồi xem. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, do có việc nên Vũ Tiến P1 đi về trước, lúc này Lê Đức T4 vào thay vị trí của P1 và tiếp tục đánh bạc với các con bạc, còn Z ngồi xem.

Các con bạc trực tiếp được, thua với người làm “cái”, tỷ lệ được thua là 1/1, tức là nếu đặt 20.000 đồng, nếu thắng thì người làm “cái” trả cho người thắng đó 20.000 đồng, nếu thua thì mất cho người làm “cái” 20.000 đồng đã đặt, số tiền đặt thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng/1 ván/1 người. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an huyện C bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 290.000 đồng của Nguyễn Văn T3; Thu giữ trên người của Nguyễn Cự T số tiền 2.350.000 đồng, Lê Ngọc T2 là 4.650.000 đồng, Nguyễn Văn T3 là 1.400.000 đồng Lê Đức T4 là 1.430.000 đồng và 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; một cái chăn màu đỏ kích thước 2,2m x 2m.

Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Cự T có 2.350.000 đồng, Lê Ngọc T2 có 4.700.000 đồng, Lê Đức T4 có 1.430.000 đồng, Nguyễn Văn T3 có 1.400.000 đồng và Vũ Tiến P1 có 740.000 đồng (thua 240.000 đồng); số tiền này các đối tượng để trong người và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Vũ Tiến P1 đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng là số tiền P1 sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL- HĐĐG ngày 20/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận căn phòng nơi Nguyễn Cự T và các đối tượng sử dụng làm địa điểm đánh bạc, có giá trị là 26.394.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Cự T, Lê Ngọc T2, Nguyễn Văn T3, Lê Đức T4 và Vũ Tiến P1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS: Phạt bị cáo Nguyễn Cự T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến ngày 04/7/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T2 và Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Xử phạt bị cáo Lê Đức T4 và Vũ Tiến P1 mỗi bị cáo 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 và ngày 11/11/2019, bị cáo Nguyễn Cựu T, Lê Ngọc T2, Lê Đức T4 và Nguyễn Văn T3 kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt,

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, riêng bị cáo Nguyễn Cựu T bổ sung nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện VKS đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả và vai trò của từng bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc T2, Lê Đức T4 và Nguyễn Văn T3, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm.

Riêng bị cáo Nguyễn Cựu T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của BLHS cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương phối hợp với gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS chấp nhận một phần kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm. Đề nghị xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính

từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/7/2019, các bị cáo T, T2, T4, T3 và P1 đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, số tiền cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc 290.000 đồng, đồng thời cũng là số tiền của bị cáo T3; thu giữ trên người của các bị cáo T 2.350.000 đồng, T2 4.650.000 đồng, T3 1.400.000 đồng và T4 1.430.000 đồng, các bị cáo đều xác định sử dụng vào mục đích đánh bạc; đến ngày 05/7/2019 Vũ Tiến P1 đã tự nguyện giao nộp 500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Cự T, Lê Ngọc T2, Lê Đức T4, Nguyễn Văn T3 và Vũ Tiến P1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Cự T; hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo: Lê Ngọc T2, Lê Đức T4, Nguyễn Văn T3 và Vũ Tiến P1 là phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Bởi lẽ, bị cáo T là người rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, chuẩn bị công cụ và sử dụng phòng khách của gia đình làm nơi đánh bạc. Tuy nhiên, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và thu giữ trên người các bị cáo là 10.620.000đ, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, mặc dù bị cáo Vũ Tiến P1 không còn tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khi cơ quan điều tra bắt quả tang nhưng các bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi đánh bạc của Vũ Tiến P1 giúp đỡ cơ quan điều

tra phát hiện tội phạm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS, Bản án sơ thẩm không áp dụng cho các bị cáo là thiếu sót. Cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung.

Xét mức phạt 40.000.000đ đối với các bị cáo Lê Ngọc T2 và Nguyễn Văn T3; 30.000.000đ đối với bị cáo Lê Đức T4 của Bản án sơ thẩm là có phần nghiêm khắc. Hơn nữa, do các bị cáo Nguyễn Cự T, Lê Ngọc T2, Lê Đức T4 và Nguyễn Văn T3 đều được áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Xét thấy, bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của BLHS cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương phối hợp với gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T cho bị cáo được hưởng án treo kèm thời gian thử thách nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm mức hình phạt tiền đối với các bị cáo Lê Ngọc T2, Lê Đức T4, Nguyễn Văn T3.

Ngoài ra, trong vụ án mặc dù bị cáo Vũ Tiến phong không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 30.000.000đ là có phần nghiêm khắc. Bối lý, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc 740.000đ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo tự ý chấm dứt phạm tội trước khi cơ quan điều tra bắt quả tang và tự nguyện giao nộp 500.000đ sử dụng vào việc phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bản án sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu sót cần áp dụng bổ sung. Xét thấy, cần thiết phải áp dụng thêm Điều 345 của BLTTHS giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo và thể hiện sự công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự – Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cựu T; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc T2, Lê Đức T4, Nguyễn Văn T3 và áp dụng thêm Điều 345 của BLTTHS đối với bị cáo Vũ Tiến P1. Sửa án Bản hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cựu T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk phối hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Các bị cáo Lê Ngọc T2 và Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); xử phạt bị cáo Lê Đức T4 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và xử phạt bị cáo Vũ Tiến P1 10.000.000đ (Mười triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Cựu T, Lê Ngọc T2, Nguyễn Văn T3, Lê Đức T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- T.H.A hình sự huyện C;
- Bị cáo;
- UBND xã H, huyện C;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thanh Huyền